

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; và
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

“**Ban Kiểm soát**” có nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại (Điều 31) của Điều lệ này;

“**Bên có Liên quan**” có nghĩa là các cá nhân và/ hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty như được quy định cụ thể tại (Điều 6.34) của Luật Chứng khoán;

“**Biểu quyết Đa số Đơn giản**” có nghĩa là số phiếu đại diện cho ít nhất 51% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có Quyền biểu quyết, tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, tại cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông;

“**Biểu quyết Đa số Tuyệt đối**” có nghĩa là số phiếu đại diện cho ít nhất 75% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có Quyền biểu quyết, tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, tại cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông;

“**Chủ tịch Hội đồng**” có nghĩa là chủ tịch Hội đồng Quản trị, là người có các quyền và nghĩa vụ như được quy định tại (Điều 26.5) của Điều lệ này;

“**Chứng chỉ Cổ phần**” có nghĩa là giấy chứng nhận do Công ty cấp cho một Cổ đông, chứng nhận quyền sở hữu đối với số Cổ phần của Công ty đó;

“**Cổ đông**” có nghĩa là bất kỳ Cổ đông nào của Công ty, sở hữu ít nhất một Cổ phần do Công ty phát hành như được quy định tại (Điều 15 và Điều 19) của Điều lệ này và “**các Cổ đông**” là các Cổ đông của Công ty;

“**Cổ đông có Quyền Biểu quyết**” có nghĩa là Cổ đông nắm giữ ít nhất một Cổ phần có Quyền biểu quyết;

“**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

“**Cổ đông Phổ thông**” là Cổ đông nắm giữ Cổ phần Phổ thông của Công ty;

“**Cổ đông sáng lập**” có nghĩa là các Cổ đông ký kết Điều lệ này và các tài liệu khác trong hồ sơ xin Giấy phép Thành lập. Chi tiết về các Cổ đông Sáng lập được quy định cụ thể tại (Điều 15) của Điều lệ này;

“**Cổ phần**” có nghĩa là Cổ phần của Công ty với các chi tiết cụ thể được quy định tại (Điều 20) của Điều lệ này;

“**Cổ phần Ưu đãi**” là các Cổ phần có các quyền đặc biệt riêng đi kèm với chúng theo các nghị quyết có liên quan của Đại hội đồng Cổ đông, bao gồm (không hạn chế) các Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết, Cổ phần Ưu đãi Cổ tức hoặc các loại Cổ phần ưu đãi khác do Công ty phát hành vào từng thời điểm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

“**Cổ phần có Quyền biểu quyết**” bao gồm Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết và Cổ phần Phổ thông;

“**Cổ phần Phát hành thêm**” có nghĩa như được quy định tại (Điều 14.1) của Điều lệ này;

“**Cổ phần Phổ thông**” là Cổ phần do Công ty phát hành, với các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại (Điều 20) của Điều lệ này;

“**Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết**” là Cổ phần do Công ty phát hành có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số Cổ phần Phổ thông, như quy định tại (Điều 20) của Điều lệ này;

“**Cổ phần Ưu đãi Cổ tức**” có nghĩa là Cổ phần do Công ty phát hành;

“**Cổ phiếu**” có nghĩa là hình thức thể hiện và là đơn vị giao dịch của Cổ phần; một Cổ phiếu tương ứng với một Cổ phần. Một hoặc nhiều Cổ phiếu sẽ được xác nhận tại Chứng chỉ Cổ phần;

“**Cổ tức**” có nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ đông trên cơ sở Cổ phần có liên quan mà Cổ đông đó nắm giữ bằng tiền mặt, giấy tờ có giá (bao gồm cả Cổ phiếu thưởng của Công ty), tài sản hoặc bất kỳ hình thức hợp pháp nào khác sau khi các nghĩa vụ tài chính có liên quan của Công ty được thực hiện và/ hoặc từ nguồn lợi nhuận được Công ty giữ lại theo Pháp luật;

“**Công ty**” có nghĩa là CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN MIỀN NAM;

“**Đại Hội đồng Cổ đông**” có nghĩa là các cuộc họp của tất cả các Cổ đông, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty và các quyền quy định trong Điều lệ này, hoạt động phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật Việt Nam;

“**Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường**” có nghĩa là các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông ngoài các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên, được triệu tập và tiến hành theo quy định tại Điều (25.5) của Điều lệ này;

“**Địa bàn Kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và trên lãnh thổ nước ngoài, nếu luật pháp nước sở tại cho phép;

“**Điều khoản**” có nghĩa là một Điều khoản của Điều lệ này;

“**Điều lệ**” có nghĩa là Điều lệ này của Công ty, như được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm;

“**Giao dịch với Bên có Liên quan**” có nghĩa là với bất kỳ giao dịch nào, bao gồm (nhưng không giới hạn) bất kỳ khoản vay, thỏa thuận cho việc mua hoặc bán tài sản, thỏa thuận mua hoặc bán Cổ phần của Công ty, bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ khác được ký kết giữa Công ty với bất kỳ Bên có Liên quan nào;

“**Giấy phép Thành lập**” có nghĩa là giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty do UBCKNN cấp sau khi thẩm định và chấp thuận hồ sơ xin cấp Giấy phép Thành lập do các Cổ đông Sáng lập đệ trình;

“**Hệ thống Kiểm soát**” có nghĩa như được quy định tại (Điều 10.1) của Điều lệ này;

“**Hệ đồng Quản trị**” có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty mà thành phần, quyền và nghĩa vụ được quy định tại (Điều 26) của Điều lệ này;

“**Kiểm soát Nội bộ**” có nghĩa là bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm để thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm được giao theo (Điều 10) của Điều lệ này;

“**Lĩnh vực Kinh doanh**” có nghĩa là lĩnh vực kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại (Điều 5) của Điều lệ này;

“**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;

“**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

“**Mệnh giá**” có nghĩa như được quy định tại (Điều 20.1.2) của Điều lệ này;

“**Ngày Thành lập**” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

“**Người Quản lý Công ty**” có nghĩa là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng và/ hoặc các chức danh quản lý khác được Hội đồng Quản trị xác định là Người Quản lý Công ty vào từng thời điểm;

“**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 1 của Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật được Quốc hội nước Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996;

“**Sổ Đăng Ký Cổ đông**” có nghĩa là sổ ghi tên của tất cả các Cổ đông và số lượng Cổ phần và tổng số vốn góp mà mỗi Cổ đông sở hữu trong Công ty, và sẽ do Công ty lưu giữ theo các quy định tại (Điều 18) của Điều lệ này;

“**Tài khoản Phong tỏa**” có nghĩa như được quy định tại Điều 13.2.2 của Điều lệ này;

“**UBCKNN**” có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam;

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

“**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là Vốn Điều lệ của Công ty như được quy định cụ thể tại (Điều 13) của Điều lệ này; và

“**UBCKNN**” có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- 1.2 Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của Điều khoản hoặc văn bản đó.
- 1.3 Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo Pháp Luật

2.1 Công ty thuộc hình thức Công ty Cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.2 Tên Công ty:

Tên giao dịch chính thức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM;**

Tên giao dịch Tiếng Anh: **MIEN NAM SECURITIES JSC**;

Tên giao dịch viết tắt: **MNSC**

Sửa đổi lần 1 ngày 31/5/2011:

“Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PHUONG NAM SECURITIES CORPORATION

- Tên viết tắt: ***PNS***”

(Theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/5/2011)

2.3 Trụ sở Công ty: số 14-16-18, đường Chu Mạnh Trinh, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 8247 995 Fax: 8247 996

Địa chỉ trang web(nếu có): www.miennamstocks.com.vn

Sửa đổi lần 1 ngày 27/06/2008:

“Trụ sở Công ty: Lầu 2, 170-172-172E Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 62556518 Fax: 62556519

Địa chỉ trang web(nếu có): www.miennamstocks.com.vn”

(Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/06/2008)

Sửa đổi lần 2 ngày 23/12/2010

“Trụ sở Công ty: Lầu 2 &3 số 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 62556518 Fax: 62556519

Địa chỉ trang web(nếu có): www.miennamstocks.com.vn”

(Theo Quyết định 330/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/06/2010)

2.4 Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc đổi tên, chuyển trụ sở Công ty sang một địa điểm khác hoặc mở văn phòng chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác của Công ty tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

2.5 Người đại diện theo pháp luật

- Tổng Giám Đốc sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp người này vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.6 Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh, kể cả ở nước ngoài, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3. Tư cách pháp lý của Công ty

Công ty được thành lập theo hình thức Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ này.

Điều 4. Thời hạn hoạt động của Công ty

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều (46) hoặc Điều (47) của Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động, thời hạn của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**CHƯƠNG II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC,
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY**

Điều 5. Các lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động

5.1 Lĩnh vực Kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư (bao gồm cả tư vấn mua bán Công ty và những vấn đề khác); và
- Lưu ký chứng khoán.

Sửa đổi lần 1 ngày 31/5/2011:

“Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh:

- *Tự doanh chứng khoán;*
- *Bảo lãnh phát hành chứng khoán”*

(Theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/5/2011)

5.2 Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một trong những Lĩnh vực Kinh doanh trên sau khi được UBCKNN phê duyệt.

5.3 Mục tiêu hoạt động:

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là: thu lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, mang lại cổ tức cao cho các Cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.
- Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

Trong thời hạn hoạt động, Công ty sẽ tuân thủ các nguyên tắc sau:

- 6.1 Tuân thủ Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan khác;
- 6.2 Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

- 6.3 Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
- 6.4 Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- 6.5 Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
- 6.6 Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
- 6.7 Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
- 6.8 Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/ hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- 6.9 Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và các pháp luật liên quan.

Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ cung cấp tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán và được Luật chứng khoán cho phép.

Công ty có thể thay đổi, bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

8.1 Quyền của Công ty:

- 8.1.1 Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- 8.1.2 Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- 8.1.3 Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
- 8.1.4 Các quyền khác phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật.

8.2 Nghĩa vụ của Công ty

- 8.2.1 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- 8.2.2 Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty.
- 8.2.3 Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

- 8.2.4 Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty.
- 8.2.5 Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó.
- 8.2.6 Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.
- 8.2.7 Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty.
- 8.2.8 Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty.
- 8.2.9 Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính.
- 8.2.10 Tuân thủ các quy định của bộ tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
- 8.2.11 Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- 8.2.12 Thực hiện công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.
- 8.2.13 Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của Luật chứng khoán;
- 8.2.14 Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế và đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- 8.2.15 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan tại từng thời điểm.

Điều 9. Các quy định hạn chế

- 9.1 Quy định hạn chế đối với Công ty
 - 9.1.1 Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc đảm bảo khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - 9.1.2 Không được tiết lộ về thông tin khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - 9.1.3 Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - 9.1.4 Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.
- 9.2 Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc và người hành nghề chứng khoán của Công ty
 - 9.2.1 Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - 9.2.2 Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;

- 9.2.3 Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.
- 9.2.4 Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
- 9.2.5 Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác.

Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 10.1 Trong suốt thời hạn hoạt động, Công ty sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ (“Hệ thống kiểm soát”) tại Trụ sở chính và các địa điểm khác của Công ty. Các nhân viên kiểm soát và Hệ thống Kiểm soát sẽ chịu quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc. Hoạt động của các nhân viên Kiểm soát sẽ được đánh giá, và nếu có thể, sẽ được Công ty điều chỉnh hàng năm.
- 10.2 Hệ thống kiểm soát của Công ty có các nhiệm vụ sau:
 - 10.2.1 Giám sát việc tuân thủ các hướng dẫn và quy trình nghiệp vụ của các phòng ban chuyên môn và các nhân viên;
 - 10.2.2 Kiểm toán nội bộ các báo cáo tài chính của Công ty;
 - 10.2.3 Giám sát vốn khả dụng và tỉ lệ an toàn tài chính
 - 10.2.4 Quản lý riêng biệt tài sản của khách hàng và tài sản của Công ty; và
 - 10.2.5 Duy trì và lưu giữ tài sản của khách hàng.
- 10.3 Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
- 10.4 Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- 10.5 Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin

- 11.1 Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 11.2 Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - 11.2.1 Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - 11.2.2 Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
 - 11.2.3 Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

- 12.1 Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hóa nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
- 12.2 Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
- 12.3 Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CHỦ SỞ HỮU, THÀNH VIÊN SÁNG LẬP VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

Điều 13. Vốn Điều lệ

13.1 Vốn Điều lệ:

Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 34.000.000 (Bốn triệu) Cổ phần Phổ thông theo quy định tại (Điều 20) của Điều lệ này. Vốn Điều lệ sẽ được góp toàn bộ bằng tiền mặt.

Sửa đổi lần 1 ngày 29/03/2011:

“Vốn Điều lệ của Công ty là 340.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) Cổ phần Phổ thông theo quy định tại (Điều 20) của Điều lệ này. Vốn Điều lệ sẽ được góp toàn bộ bằng tiền mặt”.

(Theo giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 21/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/03/2011).

13.2 Mở và gửi Vốn Điều lệ vào Tài khoản Phong tỏa:

Các Cổ đông sáng lập sẽ cùng nhau ký kết Biên bản cam kết góp vốn trong đó quy định số lượng vốn góp, thời hạn góp, cách thức góp vốn, cách thức góp tiền trước khi thành lập Công ty vào một tài khoản đồng sở hữu mở tại ngân hàng, quy định thời hạn, cách thức, tỷ lệ % góp và các quy định khác liên quan đến phần góp vốn trước khi thành lập Công ty.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều lệ

14.1 Việc tăng, giảm Vốn Điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.

14.2 Công ty có thể tăng Vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước khi:

14.3.1 Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh

14.3.2 Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được;

14.3.3 14.2.3 Có bất kỳ lý do nào khác phù hợp với luật pháp theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thấy cần thiết phải tăng Vốn Điều lệ.

14.3 Việc tăng Vốn Điều lệ của Công ty có thể được thực hiện thông qua các phương thức sau:

- 14.3.1 Phát hành Cổ phần Phát hành Thêm để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật
- (a) Công ty có thể tăng Vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông bằng cách phát hành thêm Cổ phần (“Cổ phần Phát hành Thêm”) với số lượng và loại Cổ phần theo nghị quyết, bằng cách chào bán ra công chúng hoặc thỏa thuận riêng, thông qua hoặc không thông qua Sàn Giao dịch Chứng khoán chính thức.
- (b) Trừ khi Công ty theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần Phát hành Thêm dự tính sẽ được chào bán cho các Cổ đông hiện hữu tại thời điểm đó, với điều kiện tương tự hoặc ưu đãi hơn điều kiện chào bán cho các đối tượng không phải là Cổ đông, theo tỉ lệ tương ứng với số lượng Cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ. Cách thức và thủ tục phát hành Cổ phần Phát hành Thêm sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
- (c) Cổ phần Phát hành Thêm của Công ty có thể được trả bằng tiền mặt hoặc hiện vật theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Nếu phần vốn tăng thêm được trả bằng hiện vật, giá trị của phần vốn bằng hiện vật sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
- 14.3.2 Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành Cổ phần;
- 14.3.3 Thực hiện trả cổ tức bằng Cổ phiếu;
- 14.3.4 Cam kết trả nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng Vốn Điều lệ; hoặc
- 14.3.5 Bất kỳ một phương thức nào khác mà Hội đồng Quản trị thấy hợp lý và phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 14.4 Việc giảm Vốn Điều lệ Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành. Vốn Điều lệ của Công ty có thể giảm theo phương thức, số lượng và vào thời điểm (kể cả việc Công ty mua lại Cổ phần của Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần mà họ nắm giữ trong Công ty) theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông theo phương thức Biểu quyết đa số phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc phê duyệt Chính phủ.

Điều 15. Cổ đông Sáng lập của Công ty

15.1 Họ tên địa chỉ quốc tịch của các Cổ đông sáng lập:

1. Ông Phan Hoàng Tuấn

Quốc tịch: Việt Nam

Giấy Chứng minh nhân dân số 020366024 cấp ngày 14/5/2003 do CA.Tp.HCM cấp.

Địa chỉ cư trú: 252 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

2. Ông Lữ Bình Huy

Quốc tịch: Việt Nam

Giấy Chứng minh nhân dân số 022233513 cấp ngày 30/12/2005 do CA.Tp.HCM cấp.

Địa chỉ cư trú: 27B Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

3. Ông Nguyễn Văn Trinh

Quốc tịch: Việt Nam

Giấy Chứng minh nhân dân số 020995764 cấp ngày 15/02/1995 do CA.Tp.HCM cấp.

Địa chỉ cư trú: 197 Âu Cơ, Phường 5, Quận 11, Tp.HCM

4. Ông Nguyễn Tuấn Anh Quốc tịch: Việt Nam

Giấy Chứng minh nhân dân số 024277278 cấp ngày 13/7/2005 do CA.Tp.HCM cấp

Địa chỉ cư trú: 201/67 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh

5. Bà Đoàn Thị Hải Ninh Quốc tịch: Việt Nam

Giấy Chứng minh nhân dân số 023996269 cấp ngày 08/03/2002 do CA.Tp.HCM cấp

Địa chỉ cư trú: B112/67 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình.

6. Ông Phan Văn Dũng

Giấy Chứng minh nhân dân số 022306777 cấp ngày 18/01/2005 do CA.Tp.HCM cấp.

Địa chỉ cư trú: 323-325 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM

7. Ngân Hàng TMCP Phương Nam

Địa chỉ đăng ký: 279 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Thành lập theo Quyết định số: 0030/NHGP do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 17/03/1993;

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số: 059056 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp ngày 17 tháng 4 năm 1993 tại Tp.HCM;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc Thịnh**;

Giấy Chứng minh nhân dân số 020966860 cấp ngày 27/11/2007 do CA.Tp.HCM cấp.

Sửa đổi lần 1 ngày 23/12/2010

“Họ tên địa chỉ quốc tịch của các Cổ đông sáng lập: còn 03 Cổ đông

1. Ông Lữ Bình Huy;

2. Ông Nguyễn Văn Trinh;

3. Ngân Hàng TMCP Phương Nam”

(Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường lần 1 – năm 2010 thông qua ngày 23/12/2010)

15.2 Cơ cấu vốn góp của mỗi Cổ đông Sáng lập được quy định cụ thể tại Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 16. Hạn chế đối với quyền của Cổ đông Sáng lập của Công ty

16.1 Cổ đông Sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho Cổ đông Sáng lập khác trong Công ty.

16.2 Cổ đông Sáng lập không được trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 17. Cơ cấu góp vốn

Tại thời điểm thành lập, Công ty có 7 (bảy) Cổ đông Sáng lập và 14 (mười bốn) Cổ đông Phổ thông, trong đó các Cổ đông nắm giữ số Cổ phần trong Vốn Điều lệ như sau:

1. Ngân Hàng Phương Nam do Ông Nguyễn Ngọc Thịnh đại diện, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 10% Vốn Điều lệ, tương đương với 4.000.000.000 VND hoặc 400.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
2. Ông Lữ Bình Huy, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 7,625% Vốn Điều lệ, tương đương với 3.050.000.000 VND hoặc 305.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
3. Ông Phan Hoàng Tuấn, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 9,25% Vốn Điều lệ, tương đương với 3.700.000.000 VND hoặc 370.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
4. Ông Nguyễn Văn Trinh, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 9,25% Vốn Điều lệ, tương đương với 3.700.000.000 VND hoặc 370.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
5. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 5,125% Vốn Điều lệ, tương đương với 2.050.000.000 VND hoặc 205.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
6. Bà Đoàn Thị Hải Ninh, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 5% Vốn Điều lệ, tương đương với 2.000.000.000 VND hoặc 200.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
7. Ông Phan Văn Dũng, Cổ đông Sáng lập, nắm giữ 2,5% Vốn Điều lệ, tương đương với 1.000.000.000 VND hoặc 100.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
8. Ông Tô Bình Quyền, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 6,5% Vốn Điều lệ, tương đương với 2.600.000.000 VND hoặc 260.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
9. Bà Nguyễn Hồng Phúc, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 5% Vốn Điều lệ, tương đương với 2.000.000.000 VND hoặc 200.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
10. Ông Phan Hoàng Thái, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 8,375% Vốn Điều lệ, tương đương với 3.350.000.000 VND hoặc 335.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
11. Bà Trần Thị Hồng Vân, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 10% Vốn Điều lệ, tương đương với 4.000.000.000 VND hoặc 400.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
12. Ông Nguyễn Cao Nguyên, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 4,5% Vốn Điều lệ, tương đương với 1.800.000.000 VND hoặc 180.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
13. Bà Lê Thị Minh Thơ, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 1,875% Vốn Điều lệ, tương đương với 750.000.000 VND hoặc 75.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
14. Ông Vũ Đức Biên, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 1,875% Vốn Điều lệ, tương đương với 750.000.000 VND hoặc 75.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
15. Ông Đỗ Xuân Quang, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 0,875% Vốn Điều lệ, tương đương với 350.000.000 VND hoặc 35.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
16. Ông Phan Hoàng Tiến, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 4,75% Vốn Điều lệ, tương đương với 1.900.000.000 VND hoặc 190.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
17. Ông Phan Hoàng An, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 3% Vốn Điều lệ, tương đương với 1.200.000.000 VND hoặc 120.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;

18. Ông Trương Quang Hùng, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 1% Vốn Điều lệ, tương đương với 400.000.000 VND hoặc 40.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
19. Ông Nguyễn Hoàng Dũng, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 1,25% Vốn Điều lệ, tương đương với 500.000.000 VND hoặc 50.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
20. Cô Nguyễn Phan Thùy Dung, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 1,25% Vốn Điều lệ, tương đương với 500.000.000 VND hoặc 50.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;
21. Cô Lâm Diệu Kim Hạnh, Cổ đông Phổ thông, nắm giữ 1% Vốn Điều lệ, tương đương với 400.000.000 VND hoặc 40.000 Cổ phần Phổ thông của Công ty;

Sửa đổi lần 1 ngày 23/12/2010

“1. Cổ đông sáng lập: Nắm giữ 63,75% vốn điều lệ

2. Cổ đông phổ thông: Nắm giữ 36,25% vốn điều lệ”

(Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường lần 1 – năm 2010 thông qua ngày 23/12/2010)

Điều 18. Sổ đăng ký Cổ đông

- 18.1 Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động như một hồ sơ hợp pháp về Cổ phần sở hữu của mỗi Cổ đông.
- 18.2 Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là pháp nhân;
 - (c) Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên, thời điểm góp vốn; số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.
 - (d) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; và
 - (e) Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp.
- 18.3 Hình thức của sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 18.4 Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc có thể được lưu giữ tại cả Trung Tâm Lưu Ký. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng ký Cổ đông bất cứ lúc nào trong giờ làm việc của Công ty.
- 18.5 Trong vòng 14 ngày sau khi Công ty nhận được đầy đủ tiền trả cho việc phát hành Cổ phần của Công ty, hoặc sau một thời gian khác dài hơn theo quy định của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sẽ lưu giữ thông tin chi tiết về Cổ đông trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
- 18.6 Các Cổ đông sở hữu 5% số Cổ phần hoặc một tỷ lệ lớn hơn đều phải được đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (7) ngày hoặc một thời hạn khác dài hơn kể từ ngày họ có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

19.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- 19.4.1 Được tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, mỗi Cổ phần Phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- 19.4.2 Được nhận Cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
- 19.4.3 Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần Phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
- 19.4.4 Được tự do chuyển nhượng Cổ phần của mình cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;
- 19.4.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 19.4.6 Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
- 19.4.7 Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần có trong Công ty;
- 19.4.8 Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất;
- 19.4.9 Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.

19.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số vốn Cổ phần có quyền Biểu quyết của Công ty liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- 19.4.1 Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- 19.4.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
- 19.4.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông;
- 19.4.4 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;
- 19.4.5 Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.

19.3 Nghĩa vụ của Cổ đông Phổ thông:

- 19.4.1 Góp đủ, đúng hạn số vốn Cổ phần đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty;
- 19.4.2 Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty;

- 19.4.3 Chấp hành quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 19.4.4 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau:
- (a) Vi phạm pháp luật;
 - (b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
- 19.4.5 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty; và
- 19.4.6 Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định và phù hợp với Điều lệ này.
- 19.4 Nghĩa vụ của Cổ đông lớn của Công ty khi Công ty có Cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- 19.4.1 Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày trở thành Cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.
- 19.4.2 Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ lớn hơn hoặc bằng 10% tổng số vốn Cổ phần có Quyền biểu quyết của Công ty và các Bên có Liên quan của Cổ đông này không được nắm giữ trên 5% số cổ phiếu hoặc phần vốn góp có quyền biểu quyết của một Công ty chứng khoán khác hoặc Công ty quản lý quỹ.

Điều 20. Cổ phần, phát hành Cổ phiếu của Công ty

20.1 Cổ phần:

- 20.1.1 Tất cả các Cổ phần được phát hành để góp Vốn Điều lệ của Công ty theo Điều lệ này đều là Cổ phần Phổ thông. Nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận vào từng thời điểm sau này, Công ty có thể có Cổ phần Ưu đãi.
- 20.1.2 Mệnh giá của mỗi Cổ phần là 10.000Đ(bằng chữ: mười nghìn đồng) (sau đây gọi là “**Mệnh giá**”). Mệnh giá này có thể được thay đổi theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông vào từng thời điểm nếu Luật pháp cho phép và Công ty có nhu cầu thay đổi Mệnh giá.
- 20.1.3 Cổ phần sẽ được phát hành theo hình thức Chứng chỉ Cổ phiếu, hoặc được đăng ký trong Sổ Đăng ký của Công ty chứng minh việc sở hữu trên một Cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 20.1.4 Loại và số lượng của mỗi loại Cổ phần:
- (a) Cổ phần Phổ thông: 4.000.000 (Bốn triệu) Cổ phần Phổ thông, tương đương với 40 (Bốn mươi) tỷ đồng.
 - (b) Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết: không có tại thời điểm thành lập Công ty
 - (c) Cổ phần Ưu đãi Cổ tức: không có tại thời điểm thành lập Công ty
 - (d) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: không có tại thời điểm thành lập Công ty

(e) Tỷ lệ các loại Cổ phần sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định.

Sửa đổi lần 1 ngày 29/03/2011:

“(a) Cổ phần Phổ thông: 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) Cổ phần Phổ thông, tương đương với 340 (Ba trăm bốn mươi) tỷ đồng.

(b) Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết: không có tại thời điểm thành lập Công ty

(c) Cổ phần Ưu đãi Cổ tức: không có tại thời điểm thành lập Công ty

(d) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: không có tại thời điểm thành lập Công ty

(e) Tỷ lệ các loại Cổ phần sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định.”

(Theo Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 29/03/2011)

20.1.5 Quyền biểu quyết của Cổ phần

(a) Mỗi Cổ phần Phổ thông sẽ có một, và chỉ có một, phiếu biểu quyết tại bất kì lần bỏ phiếu nào của Đại Hội đồng Cổ đông;

(b) Trường hợp Công ty quyết định và được Đại Hội Cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết. Mỗi Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết, nếu có và theo quy định của Đại hội đồng Cổ đông, sẽ có [hai (2) phiếu biểu quyết] tại Đại Hội đồng Cổ đông;

(c) Nếu Công ty quyết định và được Đại hội Cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có Cổ phần Ưu đãi Cổ tức hoặc một loại Cổ phần ưu đãi khác. Tuy nhiên, không có bất kỳ Cổ phần Ưu đãi Cổ tức hoặc Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nào có quyền được biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông; và

20.1.6 Chuyển đổi Cổ phần

Các Cổ phần ưu đãi, nếu có, có thể chuyển đổi thành Cổ phần Phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

20.2 Phát hành Cổ phiếu:

Công ty được phát hành Cổ phiếu và việc phát hành Cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

20.2.1 Sau khi Cổ đông đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký Cổ đông, Tổng Giám đốc sẽ phát hành hoặc yêu cầu phát hành cho Cổ đông một Chứng chỉ Cổ phiếu tương ứng với Cổ phần do Cổ đông đó nắm giữ.

20.2.2 Tất cả các Cổ đông, trừ trường hợp được quy định tại Điều 20.2.4 dưới đây, sẽ có quyền được nhận miễn phí chứng chỉ Cổ phiếu do Công ty phát hành nêu rõ số lượng Cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ. Các Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay nhiều Chứng chỉ Cổ phiếu chỉ rõ số Cổ phần bằng một Chứng chỉ Cổ phiếu gộp chung.

20.2.3 Chứng chỉ Cổ phiếu sẽ được ban hành theo hình thức do Hội đồng Quản trị quyết định và theo mẫu chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính.

20.2.4 Trường hợp Chứng chỉ Cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, theo yêu cầu của Cổ đông, Tổng Giám đốc sẽ ban hành một Chứng chỉ cổ phiếu mới thay thế chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy đó với điều kiện Cổ đông đó có nghĩa vụ trả mọi chi phí, phí tổn cho Công ty và có thể bị yêu cầu trả cho các chi phí thực tế và chi phí phát sinh liên quan đến việc ban hành Chứng chỉ Cổ phiếu mới đó.

Điều 21. Chào bán và chuyển nhượng Cổ phần

21.1 Chào bán Cổ phần:

21.1.1 Công ty được chào bán Cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán Cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật chứng khoán;

21.1.2 Công ty phải đăng ký với UBCKNN khi thực hiện chào bán Cổ phiếu ra công chúng;

21.1.3 Phương thức, thủ tục chào bán Cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật chứng khoán và theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

21.2 Chuyển nhượng Cổ phần:

21.2.1 Các Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:

(a) Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết (nếu có);

(b) Cổ phần Phổ thông của các Cổ đông Sáng lập, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;

(c) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật

21.2.2 Việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay Cổ phiếu hay Chứng chỉ Cổ phần. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

21.2.3 Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép và Sổ đăng ký Cổ đông theo như quy định trong Điều 18 của Điều lệ này.

21.2.4 Để đăng ký việc chuyển nhượng Cổ phần vào Sổ đăng ký Cổ đông, Cổ đông phải nộp cho Tổng Giám đốc phiếu yêu cầu chuyển nhượng cùng với Chứng chỉ Cổ phiếu thể hiện số Cổ phần được chuyển nhượng và bất kỳ các bằng chứng nào khác của việc chuyển nhượng mà Tổng Giám đốc có thể yêu cầu một cách hợp lý. Phiếu yêu cầu chuyển nhượng Cổ phần có thể lập theo hình thức thông thường do pháp luật Việt Nam quy định hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thể được người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng thực hiện.

21.2.5 Ngay sau khi nhận được đơn chuyển nhượng và Chứng chỉ Cổ phiếu có liên quan theo hình thức phù hợp được quy định tại Điều này, Tổng Giám đốc phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ đăng ký Cổ đông. Tuy nhiên Tổng Giám đốc có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ đăng ký Cổ đông nếu như việc đăng ký chuyển nhượng không được Pháp luật cho phép hoặc trái với các điều khoản của Điều lệ này. Nếu Tổng Giám đốc từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng Cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian hai tháng.

21.2.6 Công ty phải lưu giữ tất cả các đơn chuyển nhượng có liên quan đến việc chuyển nhượng các Cổ phần đã đăng ký.

Điều 22. Mua lại Cổ phần

22.1 Mua lại theo yêu cầu của Cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn Cổ phần của mình, nếu hai điều kiện sau đây thỏa mãn: (i) Cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty; (ii) Đại Hội đồng Cổ đông nhất trí với phương án mua lại Cổ phần của các Cổ đông nói trên. Yêu cầu mua lại phần vốn Cổ phần phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

22.2 Mua lại theo quyết định của Công ty:

22.2.1 Trường hợp Công ty trở thành Công ty đại chúng nhưng không có Cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán, Công ty có quyền mua lại Cổ phiếu của chính mình không quá 10% tổng số Cổ phần Phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần Ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

- (a) Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi giai đoạn mười hai (12) tháng;
- (b) Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

22.2.2 Trường hợp Công ty trở thành Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán khi mua lại cổ phiếu của chính mình phải công khai thông tin về việc mua lại Cổ phần trong vòng bảy (07) ngày trước khi thực hiện mua lại.

Điều 23. Điều kiện thanh toán Cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 24. Phát hành trái phiếu

- 24.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật.
- 24.2 Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành, các điều kiện và điều khoản liên quan và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- 24.3 Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:
 - 24.3.1 Không thanh toán đủ gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;
 - 24.3.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.
- 24.4 Chủ sở hữu trái phiếu không phải là Cổ đông và không có các quyền của Cổ đông. Quyền của chủ sở hữu trái phiếu đối với Công ty được quy định riêng trong các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 25. Đại Hội đồng Cổ đông

- 25.1 Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Mỗi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông này phải sở hữu tối thiểu 20.000 cổ phiếu Công ty.
- 25.2 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông
 - 25.10.1 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 25.10.2 Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 25.10.3 Quyết định mức Cổ tức hàng năm của từng loại Cổ phần;
 - 25.10.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - 25.10.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 25.10.6 Quyết định việc tăng giảm Vốn Điều lệ của Công ty;
 - 25.10.7 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ trong trường hợp có Cổ phần Phát hành thêm trong phạm vi số lượng Cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
 - 25.10.8 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - 25.10.9 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;
 - 25.10.10 Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - 25.10.11 Quyết định mua lại hơn 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;

- 25.10.12 Quyết định việc Công ty ký kết một hoặc một số hợp đồng liên quan phát sinh từ hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, bao gồm các hoạt động mua nguyên vật liệu, các hợp đồng bán các sản phẩm của Công ty và các hợp đồng khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, có giá trị hoặc có thể phát sinh chi phí mà Công ty phải trả vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty vào thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.
- 25.10.13 Quyết định việc ký kết mọi giao dịch với Bên Liên quan có giá trị vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính mới nhất của Công ty. Việc chuyển nhượng các Cổ phần của Công ty giữa bất kỳ Cổ đông nào và các bên thứ ba sẽ không được xem là giao dịch với Bên Liên quan theo mục đích của Điều này;
- 25.10.14 Thay đổi phạm vi kinh doanh của Công ty;
- 25.10.15 Sắp xếp, Cổ phần hóa hoặc sáp nhập bất kỳ Công ty hoặc thành viên nào của Công ty, phạm vi kinh doanh, tài sản hoặc nhiệm vụ của Công ty, hoặc việc Cổ phần hóa hoặc sắp xếp một bộ phận, kinh doanh hoặc tài sản vượt quá mức được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận;
- 25.10.16 Các giao dịch thay đổi quyền của Cổ phần Phổ thông; và
- 25.10.17 Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- 25.3 Đại diện được ủy quyền:
- 25.10.1 Mỗi Cổ đông có quyền chỉ định một người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Việc chỉ định hoặc thu hồi/ hủy bỏ một đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, và được thông báo đến Hội đồng Quản trị và sẽ có hiệu lực từ khi Hội đồng Quản trị nhận được thông báo.
- 25.10.2 Các đại diện theo ủy quyền được các Cổ đông là cá nhân chỉ định không được ủy quyền lại quyền hạn mà họ được trao cho bất kỳ người nào khác cũng như không được hành động vượt quá thẩm quyền của mình theo các điều khoản mà họ được chỉ định. Một đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải là một Cổ đông.
- 25.10.3 Hội đồng Quản trị, nếu cho rằng phù hợp và bằng chi phí của Công ty, có thể phát các mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong cuộc họp Đại hội Cổ đông và gửi giấy mời để chỉ định người đại diện theo ủy quyền có liên quan đến cuộc họp Đại hội Cổ đông theo cách thức được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 25.10.4 Giấy ủy quyền cần phải:
- Đối với Cổ đông cá nhân, được ký nhận bởi người ủy quyền; và
 - Đối với Cổ đông pháp nhân, giấy ủy quyền phải được ký và đóng dấu bởi một người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.

25.10.5 Trừ trường hợp Công ty nhận được một thông báo về một trong các sự kiện dưới đây ít nhất 48 giờ trước cuộc họp có liên quan, phiếu bầu của đại diện theo ủy quyền trong giới hạn được ủy quyền vẫn sẽ có hiệu lực ngay cả trong trường hợp Cổ đông ủy quyền:

- (a) chết hoặc mất năng lực hành vi;
- (b) d) hủy bỏ ủy quyền; hoặc
- (c) e) tước bỏ quyền của người được ủy quyền.

25.4 Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

25.10.1 Đại hội đồng Cổ đông thường niên ít nhất mỗi năm một lần, tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác trên lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng Quản trị ấn định phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Pháp luật tại từng thời điểm.

25.10.2 Đại hội đồng Cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập phải họp trong thời hạn tối đa là (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- (a) Báo cáo tài chính năm;
- (b) Báo cáo của Hội đồng Quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
- (c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
- (d) Mức cổ tức đối với mỗi Cổ phần của từng loại;
- (e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền <do Công ty quy định>.

25.5 Đại Hội đồng Cổ đông bất thường:

25.10.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- (c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 19 (19.2.3) của Điều lệ này khi họ cho rằng (i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của Cổ đông, nghĩa vụ của các Cán bộ Quản lý hoặc lạm dụng quyền hạn được giao; hoặc (ii) nhiệm kỳ của các thành viên đã hết thời hạn quá sáu (06) tháng mà chưa có người thay thế; hoặc
- (d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

25.10.2 Hội đồng Quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định tại Điều 25.5.1 trong vòng 30 ngày, hoặc một thời hạn dài hơn nếu việc trì hoãn có lý do hợp lý, kể từ ngày nhận được yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông.

- 25.10.3 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp nêu tại Điều 25.5.1 trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 25.10.4 Trường hợp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định tại Điều 25 này, thì Cổ đông, nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% Cổ phiếu có Quyền biểu quyết trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tiếp có quyền thay mặt Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát đứng ra triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 25.6 Người triệu tập cuộc họp phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- 25.10.1 Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
- 25.10.2 Khẳng định thời gian và địa điểm cuộc họp; và
- 25.10.3 Thông báo cho tất cả Cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho các Cổ đông. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- 25.7 Điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông:
- 25.10.1 Trước ngày họp, Công ty phải tiến hành đăng ký việc tham dự Đại hội đồng Cổ đông đảm bảo các Cổ đông có quyền dự họp đều có thể đăng ký. Khi đăng ký, người dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần được biểu quyết trong chương trình họp.
- 25.10.2 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được thi hành có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết.
- 25.10.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.7.2, Công ty có quyền triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết.
- 25.10.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.7.3 thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số Cổ phần có Quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

- 25.10.5 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề được thảo luận.
- 25.8 Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
- 25.10.1 Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định được thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.10.2 Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.
- 25.10.3 Đối với quyết định về loại Cổ phần và số lượng Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hoặc định đoạt hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.
- 25.10.4 Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết ủng hộ nghị quyết trước, sau đó thu thẻ biểu quyết phản đối; cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số cổ phiếu biểu quyết ủng hộ, số biểu quyết phản đối, số phiếu biểu quyết trắng. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa cuộc họp công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 25.10.5 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi phiên họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng phiên họp để những Cổ đông đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 25.10.6 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số Cổ phần có Quyền biểu quyết chấp thuận. Chấp thuận bằng văn bản của các Cổ đông trong trường hợp này sẽ có hiệu lực tương đương như bỏ phiếu tại một cuộc họp thực sự của Đại Hội đồng Cổ đông. Chấp thuận bằng văn bản có thể bao gồm một hoặc nhiều văn bản có mẫu tương tự, mỗi văn bản được ký bởi một hoặc nhiều Cổ đông. Cụm từ “bằng văn bản” bao gồm chấp thuận bằng fax theo bảng gốc và sẽ được Công ty giữ và được các Cổ đông kiểm tra.
- 25.10.7 Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.
- 25.9 Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu, và Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông:
- 25.10.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành

viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa phiên họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể làm chủ tọa thì Thành viên có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp để Đại Hội đồng Cổ đông bầu làm chủ tọa cuộc họp, và người nhận được phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại Hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

- 25.10.2 Chủ tọa có quyền trì hoãn họp Đại Hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc địa điểm khác trong các trường hợp sau đây:
- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người tham dự; hoặc
 - (b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 25.10.3 Trường hợp chủ tọa trì hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông quá ba (03) ngày, Đại hội đồng Cổ đông sẽ bầu bất kỳ ai trong số người có quyền dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc nó kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trong cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.
- 25.10.4 Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban Kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội đồng Cổ đông của người tham gia. Đại hội đồng sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.
- 25.10.5 Đại hội đồng Cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của chủ tọa phiên họp.
- 25.10.6 Tất cả cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản.
- 25.10 Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản Đại Hội hoặc kết quả bầu cử trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét và hủy bỏ nghị quyết đó trong các trường hợp sau đây:
- 25.10.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp; hoặc
 - 25.10.2 Trình tự và thủ tục ra quyết định hoặc nội dung quyết định vi phạm Điều lệ này.
- 25.11 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được quy định tại Điều này sẽ do Công ty chi trả. Những chi phí được hoàn lại này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, trừ khi chi phí ấy được Công ty chi trả nếu được Hội đồng Quản trị thông qua trước.
- 25.12 Những người dự thính có thể được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông để tham vấn về nghị quyết báo cáo tài chính thường niên.

Điều 26. Hội đồng Quản trị

- 26.1 Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 26.2 Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị
- 26.2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 26.2.2 Kiến nghị loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 26.2.3 Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm Vốn Điều lệ hoặc vốn vay theo hình thức khác
- 26.2.4 Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu của Công ty
- 26.2.5 Quyết định mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều 22.2 về mua lại Cổ phần của Công ty;
- 26.2.6 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- 26.2.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với Bên có Liên quan quy định tại Điều 33.1 của Điều lệ này;
- 26.2.8 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu Cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- 26.2.9 Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 26.2.10 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 26.2.11 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- 26.2.12 Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
- 26.2.13 Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

26.2.14 Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

26.2.15 Ngoài ra:

- (a) Mỗi thành viên sẽ được hoàn lại các chi phí hợp lý phát sinh từ việc tham dự họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông, bao gồm tiền đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác nhưng sẽ không được hưởng lương trừ trường hợp Thành viên cũng đồng thời là thành viên Ban Điều hành hoặc là một nhân viên trong Công ty.
- (b) Không một Thành viên nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc trong nghị quyết của Hội đồng Quản trị được triệu tập và thông qua một cách hợp lệ hoặc trong văn bản nghị quyết theo quy định tại Điều 26.6 của Điều lệ này;
- (c) Mỗi Thành viên phải tuân thủ tất cả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- (d) Mỗi Thành viên phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty, và không được thực hiện bất kỳ hành động nào đẩy Công ty đến tình trạng vi phạm Luật Doanh nghiệp;
- (e) Mỗi Thành viên sẽ cung cấp thông tin đúng lúc và đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại Điều 31.4.2 của Điều lệ này; và

26.2.16 Có các quyền và trách nhiệm khác quy định trong Điều lệ này, trong phạm vi tối đa mà luật pháp Việt Nam cho phép các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong luật Việt Nam.

26.3 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị:

26.3.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

26.3.2 Là Cổ đông sở hữu ít nhất 2.5% tổng số Cổ phần Phổ thông

26.3.3 Không được đồng thời làm thành viên hoặc giám đốc điều hành của bất kỳ một Công ty chứng khoán nào khác

26.3.4 Các điều kiện khác được các thành viên Đại hội đồng Cổ đông đề ra vào từng thời điểm.

26.4 Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:

26.4.1 Hội đồng Quản trị của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

26.4.2 Số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu là ba (3) và không vượt quá mười một (11) thành viên.

26.4.3 Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị và của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (5) năm, và có thể được Đại hội Cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ tiếp theo

26.4.4 Nếu trong Hội đồng Quản trị có chỗ khuyết, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bổ nhiệm Thành viên thay thế trong nhiệm kỳ của Thành viên còn khuyết theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

26.5 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

26.5.1 Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ một trong số thành viên, Đại hội đồng Cổ đông sẽ phê duyệt việc bổ nhiệm này theo cách thức phù hợp quy định tại Điều lệ này.

Sửa đổi lần 1 ngày 23/12/2010:

“Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng từ một trong số thành viên”.

(Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2010 thông qua ngày 23/12/2010).

26.5.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- (c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
- (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- (e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- (f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật (do Công ty quy định).

Sửa đổi lần 1 ngày 24/05/2008:

“(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;

(e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

(f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật (do Công ty quy định).

(g) Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty”

(Theo biên bản cuộc họp các Cổ đông ngày 24/05/2008).

Sửa đổi lần 2 ngày 28/02/2011:

“(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;

(e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

(f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật (do Công ty quy định)”.

(Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28/02/2011).

26.6 Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp:

- 26.6.1 Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết, tối thiểu mỗi quý một lần.
- 26.6.2 Chủ tịch có thể triệu tập Cuộc họp của Hội đồng Quản trị bất thường theo yêu cầu của: (i) Ban Kiểm soát; (ii) Tổng Giám đốc; (iii) Ít nhất năm (5) cán bộ quản lý cấp cao khác; hoặc (iv) hai (2) thành viên.
- 26.6.3 Họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên tham dự và được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được quá $\frac{1}{2}$ số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị không được bỏ phiếu đối với các Giao dịch với Bên Liên quan mà Thành viên đó hoặc bất kỳ Bên có liên quan nào mà thành viên có lợi ích trong đó.
- 26.6.4 Cuộc họp của Hội đồng Quản trị sẽ được triệu tập không chậm hơn mười (10) ngày sau khi có thông báo bằng văn bản phù hợp với Điều này. Thông báo về cuộc họp Hội đồng Quản trị phải ghi rõ địa điểm, thời gian, chương trình họp và, nếu được ít nhất $\frac{2}{3}$ số Thành viên đồng ý, thông báo họp có thể ngắn hơn 10 ngày. Thông báo triệu tập Cuộc họp phải được gửi bằng tay hoặc thư bảo đảm trong trường hợp gửi trong nước hoặc bằng dịch vụ chuyển phát có bảo đảm ra nước ngoài trong trường hợp gửi thư quốc tế hoặc bằng fax hoặc bằng thư điện tử đến địa chỉ cuối cùng đến mỗi thành viên và được chuyển cho Thư ký Hội đồng Quản trị lưu.
- 26.6.5 Thông thường các cuộc Họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở Công ty, nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Chủ tịch quyết định tùy từng thời điểm.
- 26.6.6 Thành viên có thể tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi thành viên này có thể nghe rõ các thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các thành viên có mặt cũng nghe rõ Thành viên này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân các thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 26.6.7 Nếu một thành viên không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị, thành viên này có thể bổ nhiệm bằng văn bản một người đại diện cho mình (có thể là một thành viên khác hoặc một người khác) để tham dự họp và đại diện cho mình trong cuộc họp. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị cụ thể hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng Quản trị nào cho đến khi có thông báo khác

của thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch tại trụ sở Công ty trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng Quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu tương ứng với mỗi thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một thành viên.

- 26.6.8 Bất kỳ thành viên nào cũng có thể yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng hoặc các thành viên khác trong Ban giám đốc, hoặc bất cứ người nào trong số họ tham dự họp Hội đồng Quản trị để báo cáo trực tiếp với Hội đồng Quản trị về tất cả các vấn đề liên quan đến Công ty hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi trách nhiệm hoặc kiến thức, kỹ năng của họ.
- 26.6.9 Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp sẽ chuẩn bị hoàn thành các biên bản Hội đồng Quản trị bao gồm tên người tham dự, ngày, địa điểm của cuộc họp và nghị quyết được thông qua. Thư ký cuộc họp sẽ chuyển biên bản đến tất cả các thành viên sớm nhất có thể. Biên bản của mỗi cuộc họp được Chủ tịch ký với bản sao được cung cấp cho mỗi thành viên và bản gốc được lưu trong Biên bản Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được giữ tại trụ sở chính hoặc một địa chỉ khác được Hội đồng Quản trị chỉ định. Nếu thư ký cuộc họp không thể tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một thư ký tạm thời vì mục đích của cuộc họp. Thư ký cuộc họp có thể bị bãi nhiệm và thay thế tại từng thời điểm bởi Hội đồng Quản trị.
- 26.6.10 Ban thư ký lưu giữ văn bản của tất cả ủy quyền, cuộc họp, nghị quyết được thông qua, thông báo, thay đổi Điều lệ và các vấn đề quan trọng khác có liên quan đến quản trị Công ty vào sổ biên bản.
- 26.6.11 Chi phí hợp lý của thành viên liên quan đến việc tham gia vào các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bao gồm cả chi phí đi lại, ăn ở sẽ được chi trả.
- 26.7 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:
- 26.7.1 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ:
- (a) Thành viên Hội đồng Quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26.3 của Điều lệ này hoặc bị Pháp luật cấm giữ vị trí thành viên Hội đồng Quản trị;
 - (b) Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Có đơn xin từ chức;
 - (d) Cá nhân đó hoặc tổ chức mà cá nhân đại diện bị phá sản;
 - (e) Bị hoặc có khả năng bị rối loạn thần kinh;
 - (f) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật (do Công ty quy định).

- 26.7.2 Việc bổ nhiệm và từ chức hoặc bãi nhiệm mỗi thành viên Hội đồng Quản trị và địa chỉ mỗi thành viên để gửi thông báo cùng với tất cả thông báo của Hội đồng Quản trị và người được ủy quyền được lưu trong biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 26.7.3 Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
- 26.8 Hội đồng Quản trị có thể thông qua bất kỳ nghị quyết nào mà không cần tổ chức cuộc họp theo cách thức quy định tại Điều 26.8 của Điều lệ này. Nghị quyết bằng văn bản sẽ có hiệu lực và giá trị giống như được thông qua tại Cuộc họp của Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức một cách hợp pháp miễn là được hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng Quản trị ký vào thời điểm đó. Nghị quyết đó bao gồm một hoặc nhiều hơn một văn bản có mẫu giống nhau được một hoặc các Thành viên. Cụm từ “bằng văn bản” và “ký” sẽ bao gồm cả việc chấp thuận bằng fax.

Điều 27. Kế toán trưởng

- 27.1 HĐQT sẽ lựa chọn và bổ nhiệm một Kế toán trưởng với các trình độ và kinh nghiệm thích hợp.
- 27.2 Nhiệm vụ của Kế toán trưởng:
- 27.2.1 Giúp Tổng Giám đốc quản lý tài chính và kế toán của Công ty và kiểm tra và ký kết các kế hoạch tài chính, tín dụng và kế toán của Công ty;
- 27.2.2 Chuẩn bị các báo cáo tài chính và kế toán của Công ty và đảm bảo tính đúng đắn và công bằng của các báo cáo và sổ sách kế toán của tất cả các hóa đơn tài chính và hóa đơn thanh toán và các vấn đề tài chính khác như được quy định trong Điều lệ và đảm bảo các giao dịch tài chính của Công ty được ghi chép một cách chính xác trong các sổ sách kế toán.

Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng

Các thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao của Công ty được giao trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo cách thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 29. Hệ thống quản lý

- 29.1 Công ty sẽ thiết lập một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành chung, một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, và các phòng ban chuyên môn. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là

Thành viên và do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ.

- 29.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng của những Cán bộ Quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 30. Tổng Giám đốc

- 30.1 Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc:

- 30.1.1 Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 30.1.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 30.1.3 Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị trong việc thực thi tất cả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị; tổ chức và thực hiện các công việc quản lý hàng ngày của Công ty. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Sửa đổi lần 1 ngày 24/05/2008

“Tổng Giám đốc sẽ là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội Đồng Quản Trị trong việc thực thi tất cả các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị; tổ chức và thực hiện các công việc quản lý hàng ngày của Công ty. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của công ty.”

(Theo Biên bản Cuộc họp các Cổ đông ngày 24/05/2008)

Sửa đổi lần 2 ngày 28/02/2011

“Tổng giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản Trị trong việc thực thi tất cả các Nghị quyết của Hội đồng Quản Trị; tổ chức và thực hiện các công việc quản lý hàng ngày của Công ty. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của Công ty.”

(Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2010 thông qua ngày 28/22/2011)

- 30.2 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:

- 30.2.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
- 30.2.2 Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị;
- 30.2.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- 30.2.4 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;

- 30.2.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - 30.2.6 Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - 30.2.7 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
 - 30.2.8 Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - 30.2.9 Tuyển dụng lao động;
 - 30.2.10 Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - 30.2.11 Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc chỉ có thể được thay đổi hoặc bị tước bỏ theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- 30.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:
- 30.3.1 Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 30.3.2 Không phải là Bên có Liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền;
 - 30.3.3 Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật chứng khoán;
 - 30.3.4 Có thâm niên công tác ít nhất là 03 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
 - 30.3.5 Không phải là người hành nghề đã bị UBCKNN thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;
 - 30.3.6 Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác; và
 - 30.3.7 Không phải là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, và thành viên Hội đồng Quản trị, của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng.
- 30.4 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc
- 30.4.1 Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 3 Điều này; hoặc
 - (b) Có đơn xin từ chức.
 - (c) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật (do Công ty quy định).

30.4.2 Tổng Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo bằng văn bản với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ít nhất là ba (3) tháng (hoặc một thời hạn dài hơn theo đúng quy định được ghi rõ trong hợp đồng tuyển dụng).

Điều 31. Ban Kiểm soát

- 31.1 Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng Cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
- 31.2 Ban Kiểm soát có ít nhất ba (03) và không quá năm (05) thành viên, và ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm, và nhiệm kỳ này có thể kéo dài (i) nếu điều này là cần thiết để Ban Kiểm soát kết thúc các nghĩa vụ còn tồn đọng, hoặc (ii) cho đến khi việc bổ nhiệm các thành viên mới trong Ban Kiểm soát có hiệu lực, phụ thuộc vào sự kiện nào xảy ra trước. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.
- 31.3 Nhiệm kỳ và các điều kiện nêu trong hợp đồng tuyển dụng của thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, và hợp đồng tuyển dụng phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Công ty ký tên.
- 31.4 Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:
- 31.4.1 Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
- 31.4.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và
- 31.4.3 Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.
- 31.5 Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:
- 31.5.1 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 31.5.2 Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, cho Đại hội đồng Cổ đông;
- 31.5.3 Kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- 31.5.4 Xem xét sổ kết toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;

- 31.5.5 Ban Kiểm soát còn có quyền được tiếp cận thông tin, cụ thể như sau:
- (a) Giấy mời họp hoặc phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị cùng các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;
 - (b) Các báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với Thành viên Hội đồng Quản trị;
 - (c) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và nơi ở khác; có quyền đến tất cả đại điểm có cán bộ lãnh đạo và nhân viên của Công ty làm việc; và
 - (d) Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Cán bộ Quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- 31.5.6 Tuân thủ đúng pháp luật Việt Nam, Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 31.5.7 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
- 31.5.8 Trung thành với lợi ích của Công ty và các Cổ đông, không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, cũng như không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của chính mình hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 31.5.9 Khuyến nghị sửa chữa, thay đổi và cải tiến cần thiết đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, người quản lý và hoạt động của Công ty.
- 31.5.10 Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
- 31.6 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát:
- 31.7.1 Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 31.7.2 Không phải là Bên có Liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, của Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác;
 - 31.7.3 Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - 31.7.4 Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;
 - 31.7.5 Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên; và
 - 31.7.6 Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với quy định Pháp luật, (do Công ty quy định).

31.7 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát

31.7.1 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 6 Điều này;
- (b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- (c) Có đơn xin từ chức;
- (d) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật (do Công ty quy định).

31.7.2 Ngoài các trường hợp quy định tại điều 31.7.1 này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

31.7.3 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG V. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty

32.1 Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

32.2 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc như sau:

32.2.1 Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng;

32.2.2 Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

32.2.3 Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng.

Điều 33. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

33.1 Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định tổng số tiền lương và ngân sách hàng năm của Ban Kiểm soát trên cơ sở dự tính số ngày làm việc, khối lượng và nội dung công việc và ngày lương bình quân của các thành viên;

33.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng số tiền lương và chi phí sẽ không được vượt quá tổng số ngân sách cho hoạt động của Ban Kiểm soát theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông, trừ khi có quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông;

Điều 34. Hạch toán

Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và thành viên Ban Kiểm soát Công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát

- 35.1 Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 35.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
- 35.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 35.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và Bên có Liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty; và
- 35.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với Bên có Liên quan.

- 36.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
- 36.1.1 Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu 35% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty và những Bên có liên quan của họ;
- 36.1.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; hoặc
- 36.1.3 Bên có Liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
- 36.2 Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều 36.1 và các quy định khác của Pháp luật.

CHƯƠNG VII. NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Năm tài chính

Năm tài chính cũng là năm thuế của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 38. Hệ thống kế toán

- 38.1 Công ty sử dụng hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê;
- 38.2 Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;

Điều 39. Kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được UBCKNN chấp thuận xác nhận. Trường hợp Công ty mới đi vào hoạt động chưa đủ thời gian 4 tháng cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính của năm đó không phải kiểm toán.

Điều 40. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

- 40.1 Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo UBCKNN định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.
- 40.2 Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Tài khoản Ngân hàng

Công ty có thể mở tài khoản bằng tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại bất kỳ ngân hàng nào hoạt động tại Việt Nam do Hội Đồng Quản Trị lựa chọn vào từng thời điểm. Công ty có thể, nếu được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước (theo yêu cầu của Pháp luật, nếu có), được phép mở tại ngân hàng nước ngoài bên ngoài Việt Nam.

**CHƯƠNG VIII. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN,
XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ.**

Điều 42. Điều khoản chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh

- 42.1 Công ty chỉ được chia lợi nhuận (Cổ tức) cho các Cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia Cổ tức:
- 42.1.1 Công ty thông qua việc biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông có thể tuyên bố mức Cổ tức, theo đó (i) không Cổ tức nào vượt quá số đã được Hội đồng Quản trị khuyến nghị, (ii) không Cổ tức nào vượt quá lợi nhuận của Công ty như đã nêu trong Báo cáo Tài chính thường niên đã được kiểm toán, (iii) Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính của năm trước với Nhà nước, và (iv) Công ty có khả năng thanh toán sau khi đã tuyên bố và trả Cổ tức;

- 42.1.2 Dựa trên quyết định của Đại hội đồng Cổ đông để tuyên bố Cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ xác định phương pháp chi trả cổ tức;
- 42.1.3 Cổ tức có thể được trả bằng tiền mặt tại trụ sở chính, hoặc bằng séc, chuyển khoản đến một tài khoản ngân hàng tại Việt Nam theo yêu cầu của Cổ đông, hoặc bằng Cổ phần tùy theo chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Giá và chi phí phát sinh trong quá trình gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do các Cổ đông liên quan trả và Công ty sẽ giữ lại phần đó từ Cổ tức của họ. Việc đóng thuế đánh vào Cổ tức sẽ thực hiện đối với các Cổ đông;
- 42.1.4 Trong trường hợp Cổ đông là cá nhân, (i) phiếu thanh toán do người đó ký, nếu Cổ tức được trả bằng tiền mặt, hoặc (ii) giấy chuyển do ngân hàng chuyển được Công ty chỉ định cấp, trong đó chỉ rõ tổ chức tín dụng và số tài khoản do người đó chỉ định, nếu Cổ tức được trả bằng hình thức chuyển khoản, hoặc (iii) các bằng chứng khác như là gửi séc đến địa chỉ mới nhất của người đó như được ghi trong Sổ Đăng ký của Công ty, hoặc (iv) các tài liệu hoặc báo cáo khác của Công ty chứng minh việc thanh toán Cổ phiếu, sẽ là bằng chứng thể hiện sự hoàn thành và trách nhiệm đầy đủ của nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với các Cổ tức trả cho các Cổ đông đó;
- 42.1.5 Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, (i) phiếu thanh toán do bất kỳ một đồng sở hữu nào ký, nếu Cổ tức được trả bằng tiền mặt, hoặc (ii) giấy chuyển do ngân hàng chuyển được Công ty chỉ định cấp trong đó chỉ rõ tổ chức tín dụng và số tài khoản do một trong các Cổ đông đó chỉ định, nếu Cổ tức được trả bằng hình thức chuyển khoản, hoặc (iii) các bằng chứng khác như là gửi séc đến địa chỉ mới nhất của bất kỳ người nào trong số các Cổ đông đồng sở hữu đó như được ghi trong Sổ Đăng ký của Công ty, hoặc (iv) các tài liệu hoặc báo cáo khác của Công ty chứng minh việc thanh toán Cổ phiếu, sẽ là bằng chứng thể hiện sự hoàn thành và trách nhiệm đầy đủ của nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với Cổ tức trả cho tất cả các Cổ đông đồng sở hữu đó;
- 42.1.6 Cổ tức được trả cho Cổ đông bằng đồng Việt Nam. Nếu được yêu cầu và trong phạm vi cho phép của Luật pháp Việt Nam và có thể thực hiện được trên thực tế, Công ty sẽ chuyển đổi sang đô la Mỹ hoặc bất kỳ ngoại tệ nào khác với phí tổn do Cổ đông liên quan trả trước khi trả cho Cổ đông đó;
- 42.1.7 Công ty sẽ không phải chịu lãi suất đánh trên các Cổ tức không được chia; và
- 42.1.8 Tất cả các Cổ tức không bị đòi chia có thể được đầu tư hoặc được sử dụng bằng cách khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi có yêu cầu chia. Cổ tức không bị đòi chia trả trong sáu (06) năm sau khi đến hạn chi trả sẽ bị tịch thu hoặc chuyển sang sở hữu Công ty trừ khi Hội đồng Quản trị quyết định khác.
- 42.2 Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 43. Trích lập các Quỹ theo quy định

43.1 Hàng năm, Công ty có thể (nhưng không có nghĩa vụ trừ khi Pháp luật yêu cầu cụ thể) trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- 43.1.1 Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100% mức vốn Điều lệ;
- 43.1.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% Vốn Điều lệ;
- 43.1.3 Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán;
- 43.1.4 Quỹ khen thưởng, phúc lợi; và
- 43.1.5 Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

43.2 Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của Pháp luật.

**CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP,
GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY**

Điều 44. Tổ chức lại Công ty

Đại Hội đồng Cổ đông có quyền quyết định việc tổ chức lại Công ty (bao gồm chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hoặc các hình thức tổ chức lại khác có thể theo quy định của Pháp luật) hoặc giải thể Công ty. Bất cứ việc tổ chức lại hay giải thể được thực hiện theo phương thức do Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được sự chấp thuận của UBCKNN, và tuân theo quy định của Pháp luật.

Điều 45. Tổ tụng tranh chấp

45.1 Tổ tụng

- 45.2.1 Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp.
- 45.2.2 Công ty tôn trọng và chấp hành các chế tài của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản Pháp luật khác.

45.2 Giải quyết tranh chấp

- 45.2.1 Tranh chấp xảy ra giữa (i) các Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông, hoặc (ii) giữa các Cổ đông và Hội đồng Quản trị, hoặc (iii) giữa các Cổ đông và các Cán bộ Quản lý, hoặc (iv) giữa các Cổ đông và Ban Kiểm soát, sẽ trước hết được chuyển đến một Hội đồng tư vấn và hòa giải trong khoảng thời gian 30 ngày.
- 45.2.2 Nếu tranh chấp không được giải quyết trên cơ sở Điều 45.2.1 trong khoảng thời gian cho phép, bất cứ bên nào cũng có thể gửi thông báo về tranh chấp đó ("**Thông báo Tranh chấp**") tới Chủ tịch yêu cầu (i) Hội đồng Quản trị ra quyết định về tranh chấp, hoặc (ii) nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông về Tranh chấp. Chủ tịch sẽ ngay lập

tức triệu tập họp Hội đồng Quản trị hoặc sẽ tùy từng trường hợp, triệu tập Đại hội Cổ đông theo đúng thủ tục quy định ở đây.

- 45.2.3 Nếu tranh chấp đó không được giải quyết bằng thương lượng trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày có Thông báo Tranh chấp, tranh chấp đó sẽ được chuyển đến Tòa Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh để giải quyết bằng các quy định của Pháp luật về tố tụng.
- 45.2.4 Trong suốt quá trình và không làm ảnh hưởng đến việc tiến hành thủ tục tố tụng, Điều lệ sẽ tiếp tục được thực hiện.
- 45.2.5 Bất kỳ phán quyết nào của Tòa án hoặc các cơ quan khác theo Điều này, sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng(phúc thẩm, tái thẩm, giám đốc thẩm) theo đúng quy định của Pháp luật về tố tụng sẽ được xem như là bắt buộc và có hiệu lực đối với các bên.

Điều 46. Giải thể và thanh lý

46.1 Đại Hội đồng Cổ đông sẽ có quyền vào bất cứ thời điểm nào chỉ thị bằng văn bản rằng hoạt động của Công ty chấm dứt, tài sản của Công ty được thanh lý, các khoản nợ được thanh toán, tiền thu được cuối cùng từ các Cổ đông được phân phối cho các Cổ đông và Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- 46.8.1 Đại Hội đồng Cổ đông biểu quyết giải thể Công ty, và Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ;
- 46.8.2 Công ty bị UBCKNN thu hồi Giấy phép Thành lập;
- 46.8.3 Công ty có ít hơn ba (03) Cổ đông trong sáu (06) tháng liên tiếp;
- 46.8.4 Có quyết định của Tòa án hoặc các cấp có thẩm quyền về việc phá sản của Công ty.

46.2 Trường hợp công tự giải thể trước khi kết thúc thời hạn hoạt động phải được UBCKNN chấp thuận.

46.3 Hội đồng Quản trị Công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng Quản trị Công ty và pháp luật.

46.4 Trong thời gian sớm nhất có thể khi xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Điều 46.1, Đại hội đồng sẽ thông qua nghị quyết giải thể Công ty, các quyết định đó sẽ bao gồm các điều khoản chính như sau trong phạm vi yêu cầu của Pháp luật:

- 46.8.1 tên và địa chỉ Công ty;
- 46.8.2 nguyên nhân giải thể;
- 46.8.3 kế hoạch và thủ tục thanh lý các hợp đồng và trả nợ của Công ty, mà không vượt quá sáu (06) tháng kể từ ngày ra nghị quyết giải thể;
- 46.8.4 Kế hoạch trả các khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng lao động với người lao động; và

- 46.8.5 Tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 46.5 Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày thông qua, nghị quyết giải thể sẽ được gửi đến cơ quan cấp phép (và/ hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền nếu luật pháp Việt Nam yêu cầu), tất cả các chủ nợ, các bên có lợi ích liên quan và người lao động của Công ty và phải được dán ở trụ sở chính, và các chi nhánh của Công ty. Thông báo giải thể sẽ được đăng trên báo địa phương nếu luật pháp Việt Nam yêu cầu.
- 46.6 Ngay khi việc giải thể được chỉ thị phù hợp với quy định của điều 46.4 và không chậm hơn sáu (06) tháng trước khi hết hạn hoạt động hoặc gia hạn hoạt động, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định ba (03) thành viên lập thành Ban Giải thể.
- 46.7 Ban giải thể sẽ có các quyền theo như quy định của Pháp luật Việt Nam để tất toán các thương vụ của Công ty và phân phối tài sản của Công ty một cách kinh tế nhất có thể, và theo yêu cầu của Pháp luật vào mọi thời điểm, tất cả quyền của Hội đồng Quản trị có thể được trao cho ban Giải thể.
- 46.8 Các khoản lệ phí và chi phí hợp lý trong quá trình thanh lý Công ty sẽ do Công ty trả ưu tiên hơn tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty. Tất cả các nghĩa vụ khác sẽ được trả theo thứ tự ưu tiên như sau:
- 46.8.1 Lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động Việt Nam;
- 46.8.2 Các khoản nợ thuế và các nghĩa vụ thuế phải trả cho nhà nước Việt Nam;
- 46.8.3 Các khoản nợ trả cho các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm trong phạm vi khoản nợ của họ không vượt quá các tài sản bảo đảm và bao gồm cả chi trả cho người bảo lãnh đối với các khoản nợ đó; và
- 46.8.4 Các nghĩa vụ khác.
- 46.9 Trong trường hợp tuyên bố phá sản của Công ty, tất cả các vấn đề phát sinh sẽ được giải quyết theo trình tự của Luật phá sản Việt Nam.
- 46.10 Thời gian để thanh lý Công ty sẽ không vượt quá sáu (06) tháng kể từ ngày có chỉ thị của Đại hội đồng Cổ đông, hoặc nếu cần thiết không vượt quá khoảng thời gian được quyết định bởi Đại hội đồng Cổ đông.
- 46.11 Sau khi hoàn thành thanh lý Công ty, Ban Giải thể sẽ có nghĩa vụ chuyển đến các Cổ đông các khoản tiền thu được từ việc thanh lý và vẫn còn lại.
- 46.12 Kết thúc việc thanh lý Công ty, Ban Giải thể sẽ trả lại Giấy phép Thành lập, (các) con dấu, và nộp báo cáo thanh lý đến cơ quan Cấp phép hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

Điều 47. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG X. THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 48. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

48.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

48.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này và có tính bắt buộc đối với Công ty, các quy định đó của Pháp luật sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 49: Các vấn đề khác

50.1 Bất kỳ thông báo nào đưa ra theo Điều lệ này sẽ được gửi bằng văn bản qua bưu điện, điện tín, hoặc fax (với bản gốc sẽ được gửi qua bưu điện) đến các địa chỉ được ghi rõ trong Sổ đăng ký của Công ty.

50.2 Bất kỳ thông báo nào được gửi đi sẽ có hiệu lực sau tám ngày tính kể từ ngày trên dấu bưu điện trong trường hợp gửi thư qua bưu điện hoặc hai ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng điện tín, fax và các dịch vụ chuyển phát khác

50.3 Hội đồng Quản trị thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng Quản trị Công ty và pháp luật. Trường hợp các đồng Cổ đông, các thông báo sẽ được gửi đến cho Cổ đông mà tên của người đó được ghi trước trong Sổ Đăng ký của Công ty và thông báo gửi đến người đó sẽ coi là thông báo gửi đến tất cả các đồng Cổ đông.

50.4 Công ty sẽ có các nỗ lực hợp lý để đảm bảo sự chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký của Công ty, và sẽ thay đổi địa chỉ của một Cổ đông với một thông báo bằng văn bản từ Cổ đông đó.

50.5 Công ty sẽ không cố ý sử dụng các phương tiện chuyển phát thông báo mà với sự cân nhắc hợp lý cho thấy rằng không chắc chắn hoặc có khả năng phát sinh trậm trễ rõ ràng.

50.6 Các quy định trái không đúng Pháp luật, không có hiệu lực và không có giá trị. Nếu bất cứ một hay nhiều điều khoản của Điều lệ này bị cơ quan Nhà nước tuyên trái luật, hoặc vô hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định đó sẽ được coi là tách biệt khỏi tất cả các quy định khác của Điều lệ này, là các quy định khác vẫn tiếp tục có hiệu lực mà không chịu ảnh hưởng của các quy định bị vô hiệu.

50.7 Quyền cộng dồn

Trừ trường hợp trực tiếp quy định khác, các quyền và biện pháp khắc phục quy định ở Điều lệ này có tính chất cộng dồn và không loại trừ bất cứ quyền và biện pháp khắc phục nào khác theo quy định của Luật.

50.8 Con dấu

49.8.1 Bảo quản con dấu

Con dấu sẽ được làm và lưu giữ trên cơ sở luật Việt Nam.

CHƯƠNG XI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 50. Ngày hiệu lực

- 50.1 Bản điều lệ này gồm mười một (11) Chương, 50 điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Miền Nam nhất trí thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2007 tại TP.Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 50.2 Điều lệ được lập thành 10 bản gốc, tất cả các bản đều có giá trị như nhau.
- 50.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 50.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.
- 50.5 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

CHỮ KÝ CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Cổ đông Sáng Lập thứ nhất

Cổ đông Sáng Lập thứ hai

Lữ Bình Huy

Cổ đông Sáng Lập thứ ba

Phan Hoàng Tuấn

Cổ đông Sáng Lập thứ tư

Nguyễn Văn Trinh

Cổ đông Sáng Lập thứ năm

Nguyễn Tuấn Anh

Cổ đông Sáng Lập thứ sáu

Đoàn Thị Hải Ninh

Cổ đông Sáng Lập thứ bảy

Ngân hàng TMCP Phương Nam

Phan Văn Dũng

Do Ông Nguyễn Ngọc Thịnh

làm đại diện

CHỮ KÝ CỦA CỎ ĐÔNG PHỔ THÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phan Hoàng Thái

Đỗ Xuân Quang

Tô Bình Quyền

Phan Hoàng Tiến

Nguyễn Hồng Phúc

Phan Hoàng An

Nguyễn Cao Nguyên

Trương Quan Hùng

Trần Thị Hồng Vân

Nguyễn Hoàng Dũng

Lê Thị Minh Thơ

Nguyễn Phan Thùy Dung

Vũ Đức Biên

Lâm Diệu Kim Hạnh

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Định nghĩa	2
Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo Pháp Luật	4
Điều 3. Tư cách pháp lý của Công ty.....	6
Điều 4. Thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
CHƯƠNG II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC,	6
Điều 5. Các lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động	6
Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	6
Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh	7
Điều 8. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	7
Điều 9. Các quy định hạn chế	8
Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	9
Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin	9
Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp	9
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CHỦ SỞ HỮU, THÀNH VIÊN SÁNG LẬP	10
Điều 13. Vốn Điều lệ.....	10
Điều 14. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều lệ.....	10
Điều 15. Cổ đông Sáng lập của Công ty	11
Điều 16. Hạn chế đối với quyền của Cổ đông Sáng lập của Công ty	12
Điều 17. Cơ cấu góp vốn	12
Điều 18. Sổ đăng ký Cổ đông.....	14
Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông	15
Điều 20. Cổ phần, phát hành Cổ phiếu của Công ty.....	16
Điều 21. Chào bán và chuyển nhượng Cổ phần	18
Điều 22. Mua lại Cổ phần.....	19
Điều 23. Điều kiện thanh toán Cổ phần được mua lại	19
Điều 24. Phát hành trái phiếu.....	19
CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY.....	20
Điều 25. Đại Hội đồng Cổ đông	20
Điều 26. Hội đồng Quản trị	26
Điều 27. Kế toán trưởng.....	31
Điều 28. Trách nhiệm cân trọng	31
Điều 29. Hệ thống quản lý.....	31
Điều 30. Tổng Giám đốc	32
Điều 31. Ban Kiểm soát.....	34
CHƯƠNG V. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty	36
Điều 33. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	36
Điều 34. Hạch toán.....	36
CHƯƠNG VI. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	37
Điều 35. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát.....	37
Điều 36. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với Bên có Liên quan.	37
CHƯƠNG VII. NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN,.....	37
Điều 37. Năm tài chính.....	37
Điều 38. Hệ thống kế toán.....	37
Điều 39. Kiểm toán	38
Điều 40. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	38
Điều 41. Tài khoản Ngân hàng	38
CHƯƠNG VIII. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN,	38
Điều 42. Điều khoản chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh	38
Điều 43. Trích lập các Quỹ theo quy định.....	40

CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP,.....	40
Điều 44. Tổ chức lại Công ty.....	40
Điều 45. Tổ tụng tranh chấp.....	40
Điều 46. Giải thể và thanh lý.....	41
Điều 47. Phá sản.....	42
CHƯƠNG X. THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 48. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	43
Điều 49: Các vấn đề khác.....	43
CHƯƠNG XI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44
Điều 50. Ngày hiệu lực.....	44